TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sang.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 745/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số 33/2, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T.

Tạm trú: Số 220 đường L, Phường N, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Bùi Minh N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33/2, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 20/10/2017 cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Phan Thị Ngọc T đều trình bày: Chị và anh Bùi Minh N kết hôn với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 09/5/1994. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh N thường xuyên nhậu về kiếm chuyện hành hung chị, nhiều lần Công an phải xuống giải quyết. Chị đã cố gắng kiềm chế, khuyên ngăn, nhưng anh N vẫn không thay đổi, sự việc ngày càng nghiêm trọng, đến nay chị không thể chịu đựng được nữa, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017. Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Minh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 29/02/1996, đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn là anh Bùi Minh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh N vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc T. Anh N đều vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Bùi Minh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Minh N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về Hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Bùi Minh N cưới nhau năm 1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/1994 ngày 09/5/1994, nên hôn nhân giữa chị Phan Thị Ngọc T và anh Bùi Minh N là hợp pháp.

Theo chị T thì sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; Anh N thường xuyên nhậu về kiếm chuyện hành hung chị, nhiều lần Công an phải xuống giải quyết; Chị đã cố gắng kiềm chế, khuyên ngăn, nhưng anh N vẫn không thay đổi, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017 đến nay; Chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N thì không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Như vậy, theo trình bày của chị T thì anh N có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Minh N là có cơ sở, phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc T và anh Bùi Minh N có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh T, sinh ngày 29/02/1996 đã trưởng thành, nên chị T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc T.

- Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Ngọc T và anh Bùi Minh N.

- Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011810 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như nộp xong án phí.

Chị Phan Thị Ngọc T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Minh N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh T;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- UBND xã T, TP.M, T.T;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thủy